

Số: 5966 /KH-BCĐ

Thủ Thừa, ngày 22 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 412/KH-BCĐ ngày 05/02/2021 của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) huyện xây dựng Kế hoạch kiểm tra, công nhận PCGD, XMC năm 2021 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm tra và công nhận kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2021 các xã, thị trấn.
- Tiếp tục tuyên truyền về PCGD, XMC; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, thực hiện xây dựng xã hội học tập.

2. Yêu cầu

- Ban Chỉ đạo các xã, thị trấn lập kế hoạch cụ thể cho việc kiểm tra, công nhận PCGD, XMC năm 2021.
- Kế hoạch phải thiết thực, phù hợp với tình hình địa phương; đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của Chính phủ, tỉnh, huyện, xã về an toàn và phòng, chống dịch bệnh COVID-19.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo theo dõi từng địa bàn. Lực lượng tham gia kiểm tra, công nhận PCGD, XMC năm 2021 phải có các ban, ngành, đoàn thể, hội,....
- Việc kiểm tra, công nhận kết quả thực hiện PCGD, XMC năm 2021 phải thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng, đảm bảo đúng thời gian và đúng quy định theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra PCGD, XMC gồm

- Kiểm tra PCGD mầm non trẻ em 5 tuổi.
- Kiểm tra xóa mù chữ.
- Kiểm tra PCGD tiểu học.

- Kiểm tra PCGD THCS.

2. Kiểm tra việc huy động ít nhất 60% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục (độ tuổi từ 5 tuổi đến 60 tuổi).

III. THỜI GIAN, NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ

1. Từ 01/10/2021 đến 20/10/2021, Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã, thị trấn tham mưu UBND xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện PCGD, XMC.

- Kiểm tra tiến độ việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC của xã, thị trấn năm 2021.

- Điều tra, bổ sung, cập nhật kịp thời các số liệu PCGD, XMC của xã, thị trấn năm 2021.

- Rà soát, kiểm tra việc lưu trữ, thực hiện các loại hồ sơ PCGD, XMC của địa phương; chú ý đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ, đảm bảo các số liệu đúng với tình hình thực tế của địa phương.

- Tổ chức tự kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện kiểm tra công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Báo cáo số liệu thống kê PCGD, XMC năm 2021 cho UBND huyện.

2. Từ 21/10/2021 đến 10/11/2021, Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Phòng GD & ĐT tham mưu UBND huyện thành lập đoàn kiểm tra của huyện để kiểm tra công nhận xã, thị trấn và ban hành Quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2021.

- Có văn bản đề nghị UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra công nhận của tỉnh về kiểm tra công nhận huyện, đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2021. ***Văn bản đề nghị làm thành 03 bản gửi về Sở GD&ĐT (Phòng Giáo dục Trung học).***

3. Thời gian nộp báo cáo và các biểu mẫu thống kê là ngay khi Đoàn Kiểm tra huyện hoàn tất đợt kiểm tra (theo Điều 27 của Nghị định 20/2014/NĐ-CP) gồm:

a. Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2021 (kèm các biểu thống kê).

b. Biên bản kiểm tra PCGD, XMC năm 2021 của xã, thị trấn.

c. Quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2021 của UBND huyện (sau khi hoàn tất kiểm tra của huyện).

Ba loại hồ sơ 3a, 3b, 3c được sắp theo thứ tự, đóng thành quyển (bộ); các loại hồ sơ phải đảm bảo đều có đầy đủ chữ ký, đóng dấu mực đỏ của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã, thị trấn, gửi 04 bộ về Phòng GD&ĐT trước ngày

10/11/2021 để tập hợp lưu hồ sơ và trình UBND huyện ra quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2021.

4. Sau khi Đoàn Kiểm tra PCGD, XMC của tỉnh tiến hành kiểm tra công tác PCGD, XMC năm 2021. Phòng GD&ĐT gửi 04 biên bản kiểm tra (cả 04 biên bản có đóng dấu đỏ) công tác PCGD, XMC năm 2021 của Đoàn Kiểm tra tỉnh về Sở GD&ĐT (Phòng Giáo dục Trung học) để tập hợp lưu hồ sơ và trình UBND tỉnh ra quyết định.

IV. QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN

- Thực hiện theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT và các văn bản khác có liên quan.

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện, cấp xã cập nhật, bổ sung đúng và đầy đủ các số liệu PCGD, XMC năm 2021 trong hệ thống phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, xóa mù chữ).

- Nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá được thuận lợi cần thực hiện báo cáo PCGD, XMC đúng và đầy đủ nội dung (theo phụ lục đính kèm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo PCGD-XMC huyện đề nghị

- Các thành viên Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện và UBND các xã, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021.

- Trung tâm VH TT&TT huyện chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền PCGD, XMC bằng nhiều hình thức như: thông tin cổ động, áp phích, pano, khẩu hiệu,... ở tất cả các đơn vị xã, thị trấn.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo (Thường trực BCĐ PCGD, XMC cấp huyện) phối hợp với các thành viên BCĐ PCGD, XMC thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức tổng điều tra, cập nhật số liệu, chuẩn bị các yêu cầu cần thiết để thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ thời gian và tiếp tục hoàn thành công tác PCGD, XMC năm 2021.

- Thực hiện đúng quy định về hồ sơ và báo cáo kết quả kiểm tra, công nhận PCGD, XMC năm 2021.

- Các bộ phận chuyên môn Phòng GD&ĐT phối hợp các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện kế hoạch này. Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác chuyên môn và những vấn đề liên quan cần thiết để hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, tham mưu cho Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện theo dõi chỉ đạo kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021 của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện. Đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện (Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TTHU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT. UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Thành viên BCĐ PCGD, XMC huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phan Văn Tới

Phụ lục mẫu báo cáo

UBND XÃ, THỊ TRẤN.....
BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-BCĐ

....., ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Quá trình thực hiện và kết quả Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ
Xã, thị trấn..... năm 2021

Căn cứ các văn bản liên quan

PHẦN A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Tình hình chung (địa lý, hành chính, kinh tế, xã hội...)

II. Tình hình giáo dục (mạng lưới trường lớp, học sinh, kết quả giáo dục cuối năm, hoàn thành chương trình/tốt nghiệp...)

III. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi
2. Khó khăn

PHẦN B. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ (PCGD, XMC)

I. Quá trình thực hiện

1. Công tác tuyên truyền

2. Thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo PCGD-XMC (củng cố, kiện toàn BCĐ; triển khai, ban hành các văn bản; thực hiện nhiệm vụ của thành viên BCĐ; công tác phối hợp...)

3. Công tác triển khai, tổ chức thực hiện (văn bản, phối hợp, chỉ đạo, họp, sơ kết, tổng kết, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, điều tra, vận động mở lớp, công nhận hết lớp PCGD, XMC, hồ sơ sổ sách, kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC, kinh phí, các chế độ, chính sách...)

4. Khai thác, sử dụng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT

5. Công tác xã hội hóa về giáo dục, PCGD, XMC

II. Kết quả PCGD, XMC

1. PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp/tổng số trẻ em 5 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ%.

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp hoàn thành chương trình giáo dục mầm non/ tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp:...../....., tỷ lệ%

- Huy động trẻ khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên

- Số giáo viên được hưởng chế độ chính sách/tổng số giáo viên:/..... tỷ lệ:....%.

- Đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định.
- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo /tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi:/....., tỷ lệ%.
- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non/tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi:/....., tỷ lệ%.
- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Xã, thị trấn có mạng lưới cơ sở giáo dục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm đưa đón trẻ thuận lợi, an toàn.

- Cơ sở giáo dục mầm non có:

+ Số phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ) cho lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt tỉ lệ ít nhất 1,0 phòng học/lớp; phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi được xây kiên cố hoặc bán kiên cố, an toàn, trong đó có phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5m²/trẻ; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.

+ Có.....lớp mẫu giáo 5 tuổi, trong đó lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.Đạt tỷ lệ%.

+ Sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh.

Kết quả: xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi/Tổng số xã:/....., tỷ lệ: %.

2. PCGD tiểu học

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học

- Tổng số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1/tổng số trẻ em 6 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Tổng số trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/ tổng số trẻ em đến 14 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Huy động người khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên, cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học

- Đủ giáo viên và nhân viên theo quy định.

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo/tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định /tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Xã, thị trấn có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn;

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học có:

+ Số phòng học đạt tỉ lệ ít nhất 0,7 phòng/lớp; phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên.

+ Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định.

+ Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

Kết quả:

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

3. PCGD trung học cơ sở

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Huy động người khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên, cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở có:

- Đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định.

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo/tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở/tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Xã, thị trấn có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập trung học cơ sở theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn.

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở có:

+ Số phòng học đạt tỉ lệ ít nhất 0,5 phòng/lớp; phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm;

+ Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định.

- Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

Kết quả:

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

4. Xóa mù chữ

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Huy động người khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Xã, thị trấn bảo đảm huy động đủ người tham gia dạy học xóa mù chữ tại địa bàn là giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục khác, người đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định.

- Đối với các xã có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, biên giới, bảo đảm huy động đủ người tham gia dạy học xóa mù chữ tại địa bàn là giáo viên hoặc người đã tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: xã, thị trấn bảo đảm điều kiện thuận lợi cho các lớp xóa mù chữ được sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục, trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng, cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân trong địa bàn để thực hiện dạy học xóa mù chữ.

Kết quả:

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2/tổng số xã, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

III. Kết quả huy động người khuyết tật học tập (độ tuổi từ 5 tuổi đến 60 tuổi).

Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi:

Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập:

Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục:

Tỷ lệ người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục/tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập:%.

IV. Đánh giá chung

1. Thành tựu đạt được và nguyên nhân
2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Kiến nghị, đề xuất
5. Kết luận chung

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tính đến thời điểm tháng 10/2021 xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC, cụ thể như sau:

- PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi.....

- PCGD tiểu học mức độ

- PCGD trung học cơ sở mức độ ...0.....

- Xóa mù chữ mức độ

- Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục/tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập: .../...
Tỷ lệ:%.

PHẦN C. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2022

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

Huyện tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng kết quả đạt chuẩn về:

- PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi.
- PCGD Tiểu học đạt chuẩn mức độ
- PCGD THCS đạt chuẩn mức độ
- Xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ ...

II. Các chỉ tiêu

1. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi: có .../... xã, thị trấn và huyện.

- Đạt chuẩn PCGD tiểu học:

+ Đơn vị cấp xã: có .../... xã đạt mức độ 1; có .../... xã đạt mức độ 2; có .../... xã đạt mức độ 3.

+ Huyện đạt mức độ ...

- Đạt chuẩn PCGD THCS:

+ Đơn vị cấp xã: có .../... xã đạt mức độ 1; có .../... xã đạt mức độ 2; có.../... xã đạt mức độ 3.

+ Huyện đạt mức độ

- Đạt chuẩn xóa mù chữ:

+ Đơn vị cấp xã: có .../... xã đạt mức độ 1; có .../... xã đạt mức độ 2.

+ Huyện đạt mức độ

2. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên

3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

III. Nhiệm vụ và giải pháp

IV. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận:

-
-

TRƯỞNG BAN
(Chữ ký và con dấu)
PCT.UBND XÃ, THỊ TRẤN
(Họ và tên)